

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 – SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 4 - 2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lô Văn Long.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Quảng Văn Biên; ông Quảng Văn Tiệp.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Phương Linh – Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa:***  
Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 62/2025/TLST – HNGĐ, ngày 29/12/2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Ng đơn:* Chị Lò Thị H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Bản C, xã Púng B, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lò Văn D, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ dân phố x, xã Sông M, tỉnh Sơn La. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Thanh L, Cục C10, Bộ Công an (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23/12/2025 và bản tự khai Ng đơn chị Lò Thị H trình bày:

Tôi và anh Lò Văn D kết hôn với nhau năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã Nà Nghịu, huyện Sông, tỉnh Sơn La (nay là xã Sông M, tỉnh Sơn La) cấp ngày 18/10/2011. Sau khi kết hôn 2 vợ chồng chung sống H phúc được thời gian đầu. Đến năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ng nhân do anh D không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè và có biểu hiện liên quan đến ma túy, tôi đã khuyên bảo nhưng anh D không nghe lời. Đến tháng 6/2024 thì anh D bị bắt vì liên quan đến ma túy và bị kết án 7 năm 03 tháng tù. Hiện nay anh Lò Văn D đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Trước khi anh D bị bắt vì liên quan đến ma túy thì chúng tôi cũng đã thống nhất việc ly hôn.

Tôi nhận thấy cuộc hôn nhân không H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về tình cảm: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn D.

- Về con chung: Chúng tôi có 03 người con chung là Lò Thị Thùy Ng, sinh ngày 05/01/2011; Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 04/10/2015 và Lò Thị Hồng H, sinh ngày 12/09/2021. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng.

- Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này

- Nợ chung: Không có

*Tại bản tự khai anh Lò Văn D trình bày:*

Anh và chị Lò Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nà Nghiu, huyện Sông M, tỉnh Sơn La (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống H phúc và đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do là do anh D bỏ bê gia đình, đi chơi bờ rượu chè, ma túy và đã được gia đình, chính quyền khuyên bảo, hoà giải nhưng không thành và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, Nay chị H yêu cầu được ly hôn thì anh D nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lò Thị Thùy Ng, sinh ngày 05/01/2011; Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 04/10/2015 và Lò Thị Hồng H, sinh ngày 12/09/2021. Do anh D đang phải chấp hành án, nên anh đề nghị được giao 03 con cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật và các thủ tục. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị H đối với anh Lò Văn D. Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Lò Văn D.

- Về con chung: Giao 03 con chung là Lò Thị Thùy Ng, sinh ngày 05/01/2011; Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 04/10/2015 và Lò Thị Hồng H, sinh ngày 12/09/2021 cho chị Lò Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Lò Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều khai không có tài sản chung, nên đề nghị không giải quyết.

- Về án phí: Chị Lò Thị H được miễn nộp án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào bản khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông M tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Lò Văn D nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là xin ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Điều 28 bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn Lò Văn D cư trú tại Tổ dân phố 10, xã Sông M, tỉnh Sơn La do vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 – Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Nghịu, huyện Sông M, tỉnh Sơn La (cũ). Nay là xã Sông M, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống chị H và anh D sống không hạnh phúc trong cuộc sống luôn phát sinh mâu thuẫn, Ng nhân tính tình không hợp, anh D vi phạm pháp luật về ma túy đang phải chấp hành án, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lò Văn D có bản tự khai gửi cho Tòa án, anh D đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị H. Do anh Lò Văn D hiện nay đang chấp hành án phạt tù nên có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ vào tình trạng hôn nhân hiện nay, nguyện vọng ly hôn của chị H, ý kiến của anh D, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh D là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn D thừa nhận vợ chồng có 03 con chung là Lò Thị Thùy Ng, sinh ngày 05/01/2011; Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 04/10/2015 và Lò Thị Hồng H, sinh ngày 12/09/2021, chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng. Anh D đang phải chấp hành án, nên đề nghị giao 03 con

chung cho chị H nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo mọi quyền lợi cho con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị H là người dân tộc, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin được miễn án phí được Tòa án chấp nhận, nên được miễn án phí theo quy định chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị H đối với anh Lò Văn D.

Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn D.

2. Về con chung: Giao các con chung là Lò Thị Thùy Ng, sinh ngày 05/01/2011; Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 04/10/2015 và Lò Thị Hồng H, sinh ngày 12/09/2021 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lò Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lò Thị H, anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Lò Thị H được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ng đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND xã Sông M;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 -  
Sơn La;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

**Lô Văn Long**